

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2017/HC-PT
Ngày 17 tháng 8 năm 2017
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tú Oanh
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý
Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 94/2016/TLPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2016 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 268/2016/HC-ST ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2016/QĐ-PT ngày 01/12/2016, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1940; Địa chỉ: 7/5 BKHĐường TN, ấp BKH, phường BA, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Ủy quyền cho:

- Bà Nguyễn Thị Trinh N2; Trú tại: C0917 chung cư NTT, phường MC, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt

- Ông Nguyễn Văn Đ; Trú tại: 280/26 đường BHN, phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần Đại Ng, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Bà Phạm Thị Bích L – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty cổ phần xây lắp và vật tư Xây dựng B

Địa chỉ: lầu 2, 135A P, phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2/ Ủy ban nhân dân quận H

Địa chỉ: 168 TV, phường TML, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

3/ Ủy ban nhân dân phường BA, quận H

Địa chỉ: 171/1 LDC, phường BA, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Lê Thị N có ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Hằng Nga – Đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vị trí nhà và đất của bà Lê Thị N: Số 02 BKHDường TN, phường BA, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, khu đất có diện tích 32ha được chính quyền Sài Gòn cũ san lấp bằng đất đỏ từ năm 1970-1971 với mục đích làm nhà ở cho viên chức. Cuối năm 1975 hộ bà Lê Thị N cùng 03 hộ khác là hộ ông Trần Văn H, hộ ông Huỳnh Văn B, hộ ông Trương Văn L được chính quyền địa phương giao đất liền kề trong khuôn viên diện tích 11.000m² thuộc khu đất 32ha nói trên, các hộ này đều là các hộ nghèo từ trước 30/4/1975.

Năm 1982 các hộ đều đăng ký quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg của Hội đồng Bộ Trưởng, hộ bà Lê Thị N đăng ký với diện tích đất 2.500m².

Nguồn gốc nhà: Năm 1976 hộ bà Lê Thị N làm nhà để ở nền xi măng, cột gỗ, mái lá, vách lá. Các hộ trồng dừa, mận, chuối, bắp, rau và chăn nuôi heo, gà.

Tháng 3/1975, Xí nghiệp khảo sát thiết kế và xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp nay là Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B đến chiếm nhà đất của các hộ dân, đuổi các hộ ra khỏi nhà, không đền bù hoa màu, nhà và các tài sản gắn liền với đất. Nhưng xí nghiệp lại báo cáo với Thành phố đã đền bù hoa màu, nhà và các tài sản gắn liền với đất cho các hộ dân. Vì vậy ngày 30/6/1986, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép sử dụng đất số 45/GPCĐ.86 cho Xí nghiệp, nội dung: Mục đích sử dụng xây dựng trụ sở làm việc, tổng diện tích 1,1 ha, sau 12 tháng nếu không sử dụng đất hoặc sử dụng không đúng mục đích, giấy phép sẽ bị thu hồi. Ngay khi bị mất nhà đất, bà Lê Thị N khiếu nại đến chính quyền xã AK, nhưng không nhận được kết quả giải quyết khiếu nại. Bà Lê Thị N tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện, quận và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4889/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn Tám, cho rằng: “ông Tám xác nhận thời điểm năm 1986 đơn vị có đền bù hoa màu cho ông 100.000 đồng và ông đã giao 2.500m² cho xí nghiệp” do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: “Không công nhận nội dung đơn của ông Trần Văn Tám xin lại hoặc xin bồi thường phần đất 2.500m² tọa lạc tại phường BA, Quận H hiện do Công ty xây lắp và vật tư Xây dựng B đang quản lý sử dụng”.

Các căn cứ để khởi kiện:

Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B không có căn cứ pháp lý nào thể hiện đã giao 100.000 đồng cho ông Trần Văn Tám (chồng bà Lê Thị N).

Ngày 22/02/2004, bà Nguyễn Thị B2 (Địa chỉ: 59/2 Khu phố 1, phường Thủ Thiêm, Quận H) làm bản tường trình gửi các cấp chính quyền và cơ quan chức năng với nội dung: Bà B2 nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AK thời kỳ 1978 – 1988 bà B2 phụ trách nông nghiệp và người trực tiếp giải quyết vụ việc tranh chấp khu đất 11.000m² giữa Xí nghiệp và các hộ dân, bà B2 khẳng định ông Hội và một số người trong Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng không đền bù cho xã và các hộ dân. Ngày 11/7/2006 và ngày 30/8/2006 khi làm việc với Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh bà B2 vẫn khẳng định nội dung trên.

Ngày 03/4/2007, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên môi trường có văn bản số 1221/BTNMT.TTr “v/v tố cáo của công dân” gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong đó nói rõ “Bộ Tài nguyên môi trường nhận được đơn của bà Nguyễn Thị Phụng (ngụ tại số 7/5 ấp BKH, phường BA, Quận H) căn cứ Luật khiếu nại tố cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường chuyển nội dung tố cáo trên đến đồng chí Chủ tịch để chỉ đạo, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/10/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 7078/VP.PCNC “về đơn tố cáo của công dân” gửi Công an Thành phố Hồ Chí Minh và chỉ đạo “...qua rà soát, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố kính chuyển đơn tố cáo nêu trên đến Công an Thành phố để xem xét, xử lý theo kết luận, chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Hữu Tín tại công văn số 5412/VP.NCNC ngày 16/8/2007 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố”.

Ngày 30/10/2008, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 316-01 về “quyết định không khởi tố” gửi cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh trong đó kết luận “...không đủ cơ sở kết luận Công ty Xây lắp vật tư và Xây dựng B đã giao tiền đền bù cho các hộ dân”.

Ngày 18/11/2009, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 483, 484, 485, 486/TB.PC15 “về việc thông báo không khởi tố vụ án hình sự” gửi cho 04 hộ dân, trong đó kết luận “...tài liệu chứng cứ thu thập được, không đủ cơ sở để kết luận Công ty cổ phần Xây lắp vật tư Xây dựng B đã giao tiền đền bù cho các hộ dân”. Như vậy, việc Công ty cổ phần Xây lắp vật tư và Xây dựng B và Ủy ban nhân dân Quận H báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng sự thật đã được cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ.

Ngày 31/3/2011, đại diện Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận H, Sở Xây dựng, Thanh tra Thành phố và Sở Quy hoạch kiến trúc do Giám đốc Sở Tài nguyên môi trường Đào Anh Kiệt chủ trì đã họp với 04 hộ dân. Biên bản cuộc họp ghi rõ: “Hiện nay, Sở Tài nguyên môi trường đã có văn bản kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu hồi khu đất này để sử dụng theo quy hoạch chung”.

Do đó, yêu cầu Tòa hủy Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 10/11/2003, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định mới hoặc giành quyền cho bà N được khởi kiện tranh chấp dân sự.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có bà Nguyễn Kiều Vân – Đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo đơn của bà Lê Thị N: Năm 2002 bà Lê Thị N gửi đơn khiếu nại xin lại đất đã giao cho Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B sử dụng, do đó áp dụng Khoản 1 Điều 13 Luật Khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính hành vi hành chính của mình.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai 1993, Khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và Công văn số 169/2002/KHXX ngày 15/11/2002 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn đường lối giải quyết các tranh chấp đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng không công nhận đơn của bà Lê Thị N: "Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa".

Đất của bà Lê Thị N có nguồn gốc chế độ cũ san lấp, sau đó hộ bà Lê Thị N khai hoang sử dụng, có đăng ký theo chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ diện tích là 2.500 mét vuông.

Năm 1985, Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B lập thủ tục giao đất. Qua biên bản đền bù hoa màu ngày 31/7/1985 thì thể hiện trên đất không có nhà diện tích đất giao cho xí nghiệp khảo sát thiết kế là đất trồng rau muống, đất không trồng hoa màu và các loại cây khác.

Việc đại diện của bà Lê Thị N cho rằng mình chưa nhận tiền đền bù là không đúng vì Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B đã giao tiền cho Ủy ban nhân dân xã AK và Ủy ban đã đền bù cho hộ bà Lê Thị N và đã có xác nhận của cơ quan nhà nước cụ thể là xác nhận của Ủy ban nhân dân xã AK.

Cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao đất cho Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B:

- Công văn 1431/UB ngày 20/5/1985 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận địa điểm xây dựng trụ sở của Xí nghiệp khảo sát thiết kế và xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp (tiền thân của Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B).

- Các báo cáo xác định thực địa của xã AK nay là phường BA, Quận H.

- Biên bản đền bù hoa màu ngày 31/7/1985 xác định việc đền bù hoa màu với nhân dân trên khu đất đã xong

Do đó, việc cấp giấy phép sử dụng đất cho Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về thống nhất ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước.

Biên bản 31/10/2002, ông Trần Văn Tám trình bày: "Hộ ông Trần Văn Tám có 1000 mét vuông bà Nguyễn Thị Ngọc Anh có 1500 mét vuông tổng cộng là 2500 mét vuông để trồng khoai mì, chuối, được đền bù 100.000 đồng, nay tôi đề nghị xét cho tôi". Tức là ông Tám (chồng bà Lê Thị N) xác nhận đã nhận tiền đền bù. Đồng thời từ năm 2002 đến năm 2016, bà N không có ý kiến gì đến nội dung biên bản mà bà đã trình bày nên nội dung biên bản đó là đúng sự thật.

Do vậy, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc hủy quyết định 4889/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B có ông Nguyễn Ngọc Khánh - Đại diện theo ủy quyền trình bày:

Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và Xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp là đơn vị tiền thân của Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B. Xí nghiệp đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép sử dụng đất số 45/GPCĐ-86 ngày 30/6/1986 với diện tích là 11.000m². Theo biên bản đền bù hoa màu ngày 31/7/1985 thì công ty đã chuyển tiền đền bù hoa màu cho các hộ dân, bao gồm hộ bà Lê Thị N thông qua Ủy ban nhân dân xã AK, số tiền đền bù là 170.784 đồng đối với khu đất 11.807 m² thuộc địa phận xã AK, huyện Thủ Đức (nay thuộc phường BA, Quận H). Sau đó Ủy ban nhân dân xã AK có chuyển lại cho các hộ dân hay không thì công ty không biết. Hiện nay phần đất này không bị thu hồi cho dự án nào.

2/ Ủy ban nhân dân Quận H có bà Nguyễn Ngọc Hà – Đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 30/6/1986 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Giấy phép sử dụng đất số 45/GPCĐ-86 cấp phần đất diện tích 11.000m² (đã trừ lộ giới) thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 1, xã An Phú; một phần thửa 123, 134, 135, 136, 140, 141 và thửa 138, 139 tờ bản đồ số 2, xã AK cho Xí nghiệp khảo sát, thiết kế và xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp nay là Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B để xây dựng trụ sở làm việc. Năm 2003, Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng B lập thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng diện tích 8.535m² để xây dựng nhà ở thì các hộ dân gồm: Ông Huỳnh Văn B – Bà Nguyễn Thị R, ông Trần Văn Tám (chồng bà Lê Thị N), ông Trần Văn H và ông Trương Văn L liên tục gửi đơn khiếu nại về việc công ty xây dựng B không sử dụng đất đúng mục đích được giao và đề nghị trả lại đất cho các hộ sử dụng. Ủy ban nhân dân Quận H nhận thấy trên thực tế đã được giao đất, Xí nghiệp khảo sát, thiết kế và xây dựng (Bộ Nông nghiệp) nay là Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng B đã thực hiện việc đền bù hoa màu cho bà Lê Thị N. Tại biên bản ngày 31/10/2002 của Ủy ban nhân dân phường BA, Quận H ông Trần Văn Tám cũng xác nhận Xí nghiệp khảo sát, thiết kế và xây dựng đã đền bù

cho ông số tiền là 100.000 đồng (chung với hộ bà Nguyễn Thị Ngọc Anh). Đồng thời, ông Trần Văn Tám – bà Lê Thị N đã giao đất cho Xí nghiệp sử dụng cho đến nay.

Việc bà Lê Thị N khiếu nại Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng B sử dụng đất không đúng mục đích được giao và đề nghị trả lại đất cho bà Lê Thị N sử dụng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết tại Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của ông Trần Văn Tám xin lại hoặc xin bồi thường phần đất 2.500m² hiện do Công ty Xây lắp và Vật tư xây dựng B đang quản lý sử dụng.

Ủy ban nhân dân Quận H đồng quan điểm với người bị kiện, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về việc Hủy quyết định 4889/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ủy ban nhân dân phường BA, Quận H có ông Hồ Ngọc Hoàng Phi – Đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/4/1997 Ủy ban nhân dân xã AK tách ra làm 3 phường: phường BA, phường BK, phường AK. Ngày 28/3/2012 Ủy ban nhân dân phường BA có báo cáo số 98 về việc vận động 4 hộ dân lên nhận tiền hỗ trợ của Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng B, theo đó có hộ ông Trần Văn H lên dự họp. Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng B trình bày là đã giao tiền cho Ủy ban nhân dân xã AK, tuy nhiên do xã AK đã tách ra làm 03 phường, và hiện nay hồ sơ bồi thường cho các hộ dân Ủy ban nhân dân phường BA không lưu trữ, do đó Ủy ban nhân dân phường BA không có cơ sở để trình bày để quá trình đền bù, hỗ trợ trước đây giữa Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng B và các hộ dân, bao gồm hộ bà Lê Thị N.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 268/2016/HC-ST ngày 25/3/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 30, Khoản 2 Điều 104, Điểm b Khoản 2 Điều 163, Khoản 1 Điều 176 Luật Tổ tụng hành chính; Khoản 3 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993; Nghị quyết số 56/2011/QH12 ngày 24/11/2011 của Quốc hội, Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí lệ phí tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Hủy Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/4/2016 người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng nghĩa với việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không rút đơn kháng cáo, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao: Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng B được Ủy ban nhân dân thành phố cấp 11.000m² xây dựng trụ sở trong đó có 2.500m² của bà Lê Thị N. Quyết định 4889 ngày 10/11/2003 dựa vào biên bản đền bù để cho rằng bà N đã nhận tiền đền bù để bác yêu cầu khiếu nại là chưa có căn cứ, biên bản đền bù không đúng về hình thức và mâu thuẫn về số tiền từng người nhận với tổng số tiền phải đền bù. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, hủy Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị N là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Lê Thị N với lý do Xí nghiệp khảo sát thiết kế và xây dựng (nay là Công ty Cổ phần Xây lắp và vật tư xây dựng B) đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường hoa màu cho các hộ dân là không có căn cứ bởi lẽ:

- Xét về nguồn gốc đất: Diện tích đất khoảng 11.000m² thuộc một phần thửa 227 tờ 1 phường An Phú và một phần các thửa 123, 134, 135, 136, 140, 141, thửa 138, 139 tờ 2 (tài liệu 299/TTg) phường BA, quận H có nguồn gốc do chế độ cũ san lấp mặt bằng trước năm 1975.

Sau năm 1975, các hộ gồm: Bà Nguyễn Thị R (vợ ông Huỳnh Văn B), ông Trương Văn L, bà Nguyễn Ngọc A (chị ông Trần Văn T và bà Lê Thị N), ông Trần Văn Ng (cha ông Trần Văn H) ông Phan Văn Ch, ông Nguyễn Thắng Đ, ông Nguyễn Văn Tr... đến khai hoang và trực tiếp sử dụng toàn bộ phần đất trên, trong đó có hộ bà Lê Thị N sử dụng diện tích khoảng 2.500m² và đăng ký kê khai sử dụng đất theo chỉ thị 299/TTg.

- Ngày 30/6/1986 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép sử dụng đất cho Xí nghiệp khảo sát thiết kế và xây dựng với diện tích là 11.000m², mục đích xây dựng trụ sở làm việc, tại điểm b phần 7 của giấy phép quy định rõ “sau 12 tháng nếu không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích giấy phép sẽ bị thu hồi”. Thực tế cho thấy Công ty được giao đất từ năm 1986 đến nay chỉ sử dụng khu văn phòng làm việc diện tích khoảng 1.000m², phần còn lại để trống hoặc cho các đơn vị khác thuê sử dụng trái với mục đích được giao, (công văn số 4368/BTNMT-TTg ngày 18/11/2009 của Thanh tra Bộ Tài nguyên Môi trường đã khẳng định việc này).

- Bà Lê Thị N là người trực tiếp khai hoang, quản lý sử dụng từ năm 1975 đến 1986, đã tiến hành đăng ký kê khai sử dụng đất 2.500m² theo chỉ thị 299, do đó khi thu hồi diện tích đất này giao cho ai cần xem xét công sức và thành quả lao động của người đang quản lý. Thực tiễn cho thấy, hiện tại Công ty Xây lắp và vật tư xây dựng B chỉ sử dụng 1.000/11.000m² được giao làm trụ sở làm việc diện tích còn lại sử dụng

không đúng mục đích như giấy phép của Ủy ban nhân dân thành phố đã cấp. Cụ thể là: Ngày 20/7/1986 tức là sau 20 ngày được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy phép sử dụng đất, Xí nghiệp tiến hành hợp và lấy 3.500m² đất trong tổng số 11.000m² đất được cấp để cấp cho 10 hộ gia đình của Xí nghiệp làm nhà ở, đây là việc làm tùy tiện trái với tinh thần chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố khi giao đất.

- Trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị N, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét quá trình quản lý sử dụng đất của Công ty Xây lắp và Vật tư xây dựng B có đúng với giấy phép sử dụng đất hay không, chỉ căn cứ vào báo cáo của Công ty là đã chi trả tiền bồi thường hoa màu cho các hộ, để đi đến bác đơn khiếu nại là không có căn cứ. Tại văn bản số 316-01 và Văn bản số 485/TB-PC15 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận “*Không có đủ cơ sở kết luận Công ty Cổ phần xây lắp và Vật tư xây dựng đã giao tiền đền bù cho các hộ dân*” cũng cho thấy người đang quản lý sử dụng đều chưa được đền bù tài sản có trên đất.

Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có nhầm lẫn về thẩm quyền cho rằng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có quyền giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị N là không đúng. Tuy nhiên, việc Tòa sơ thẩm hủy Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng và cần buộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Khi giải quyết lại đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cụ thể Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng B, sử dụng đất có đúng với giấy phép sử dụng đất hay không?, 3.500m² đất mà Công ty cấp cho 10 hộ gia đình cán bộ làm nhà ở đã hoàn chỉnh các thủ tục quy định của Luật đất đai chưa? Diện tích đất còn lại Công ty sử dụng vào mục đích gì? Từ đó xem xét tính hợp lý của trường hợp bà N, là người có hơn 10 năm quản lý, sử dụng kê khai trước khi Nhà nước thu hồi giao cho một đơn vị Nhà nước, để có hướng giải quyết đúng pháp luật đối với trường hợp bà Lê Thị N, người đã có công khai hoang, đăng ký, kê khai theo quy định của Luật đất đai.

Do kháng cáo không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 30; Điều 115; Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Hủy Quyết định số 4889/QĐ-UB ngày 10/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm (Được khấu trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 02727 ngày 21/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (4);
- Lưu (5).16b.(Án 38)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Tú Oanh